

Số: 33 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 7 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành tạm thời Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh tại Công văn số 187/VPĐP-ĐPNV ngày 08/7/2014; thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 652/BC-STP ngày 04/7/2014 và Văn bản số 702/BC-STP ngày 17/7/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tạm thời Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Giao Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí và chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, thôn tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các PVP, các Tổ CV.VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>1</sub>.
- Gửi: Bản giấy và điện tử.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đình Sơn**

**BỘ TIÊU CHÍ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh)

| TT | Tên tiêu chí                           | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Chỉ tiêu |
|----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1  | <b>Nhà ở và công trình phụ trợ</b>     | 1.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng (đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; diện tích tối thiểu đạt 14m <sup>2</sup> /người; niên hạn sử dụng tối thiểu 20 năm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | ≥ 90%    |
|    |                                        | 1.2. Đồ đạc được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt      |
|    |                                        | 1.3. Nhà ở có kiến trúc phù hợp phong tục, tập quán đặc trưng của địa phương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đạt      |
|    |                                        | 1.4. Không có nhà tạm, nhà dột nát.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đạt      |
|    |                                        | 1.5. Các công trình phụ trợ thuận tiện sinh hoạt, ngăn nắp, hợp vệ sinh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đạt      |
| 2  | <b>Vườn hộ và công trình chăn nuôi</b> | 2.1. Tối thiểu 90% số hộ đạt các yêu cầu sau:<br>- Diện tích cây xanh/tổng diện tích đất làm nhà ở và đất vườn trên 35%; diện tích cây cho sản phẩm hàng hóa chủ lực/điện tích trồng cây trên 50%;<br>- Thu nhập trên cùng 1 đơn vị diện tích đối với trồng cây trong vườn ≥ 5 lần thu nhập từ trồng lúa trong xã;<br>- Có sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất vườn; có hệ thống tưới, tiêu nước; cảnh quan đẹp, vệ sinh môi trường đảm bảo; thu nhập từ kinh tế vườn hàng năm tối thiểu đạt 25 triệu đồng/500m <sup>2</sup> . | Đạt      |
|    |                                        | 2.2. Tối thiểu 90% hộ có chuồng trại chăn nuôi đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đạt      |
| 3  | <b>Hàng rào</b>                        | Tỷ lệ hàng rào cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ≥ 70%    |
| 4  | <b>Đường giao thông</b>                | 4.1. Đường trục thôn, xóm:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đạt      |
|    |                                        | - Tỷ lệ km đường nhựa hoặc bê tông đạt quy định của Bộ Giao thông vận tải (mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; trừ trường hợp bất khả kháng là 3,0m).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ≥ 80%    |
|    |                                        | - Tỷ lệ đường đã có lề mỗi bên ít nhất 1,5m.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | ≥ 90%    |
|    |                                        | - Rãnh thoát nước hai bên đường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ≥ 90%    |
|    |                                        | - Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch NTM được duyệt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đạt      |
|    |                                        | - Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đạt      |
|    |                                        | - Tỷ lệ đường có cây bóng mát hai bên đường (khoảng cách cây cách cây tối đa là 10m)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ≥ 90%    |
|    |                                        | 4.2. Đường ngõ, xóm:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đạt      |
|    |                                        | - Tỷ lệ km đường có nền cứng đạt chuẩn (mặt đường tối thiểu 3,0m; trừ trường hợp bất khả kháng là 2,0m).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ≥ 75%    |
|    |                                        | - Không có đường lấy lợi vào mùa mưa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đạt      |
|    |                                        | - Tỷ lệ đường có lề mỗi bên tối thiểu 0,5m                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | ≥ 90%    |
|    |                                        | - Rãnh thoát nước mặt đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Có       |
|    |                                        | - Tỷ lệ đường có cây bóng mát ở hai bên đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ≥ 90%    |

*(Chữ ký)*

|   |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                   |
|---|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 5 | Nhà văn hóa và Khu thể thao thôn | 5.1. Nhà văn hoá thôn:                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đạt                                               |
|   |                                  | - Diện tích đất tối thiểu 500m <sup>2</sup> đối với đồng bằng, 300m <sup>2</sup> đối với miền núi.                                                                                                                                                                                                                   | Đạt                                               |
|   |                                  | - Đảm bảo chỗ ngồi tối thiểu bằng số hộ gia đình trong thôn (đồng bằng tối thiểu 100 chỗ, miền núi tối thiểu 80 chỗ); tủ sách có ít nhất 100 đầu sách; hệ thống âm thanh và trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hoá, văn nghệ; trong khuôn viên nhà văn hoá có bồn hoa; diện tích trồng cây xanh tối thiểu 25% | Đạt                                               |
|   |                                  | - Hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                                              |
|   |                                  | - Công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đạt                                               |
|   |                                  | - Thu hút tham gia hoạt động trong năm tại Nhà văn hoá thôn                                                                                                                                                                                                                                                          | Đồng bằng: ≥ 50% dân số<br>Miền núi: ≥ 30% dân số |
|   |                                  | - Hệ thống loa phát thanh tất cả các hộ gia đình trong thôn có thể nghe được hoạt động hàng ngày                                                                                                                                                                                                                     | Có                                                |
|   |                                  | 5.2. Khu thể thao thôn:                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đạt                                               |
|   |                                  | - Diện tích đất tối thiểu 2.000m <sup>2</sup> .                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đạt                                               |
|   |                                  | - Có một số dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.                                                                                                                                                                                                                                | Đạt                                               |
| 6 | Hệ thống điện                    | - Thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên                                                                                                                                                                                                                                                 | Đồng bằng: ≥ 25% dân số<br>Miền núi: ≥ 15% dân số |
|   |                                  | 6.1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện (Lưới điện, trạm biến áp phân phối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn, chất lượng điện đảm bảo sự ổn định của điện áp trong mức cho phép                                                                                                | Đạt                                               |
|   |                                  | 6.2. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện                                                                                                                                                                                                  | 100%                                              |
| 7 | Văn hóa, Giáo dục, Y tế          | 6.3. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm có hệ thống điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                       | ≥ 80%                                             |
|   |                                  | 7.1. Văn hoá:                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                   |
|   |                                  | - Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn Văn hoá" liên tục tối thiểu 5 năm                                                                                                                                                                                                                                  | Đạt                                               |
|   |                                  | - Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá                                                                                                                                                                                                                                                                  | ≥ 90%                                             |
|   |                                  | - Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội                                                                   | 100%                                              |
|   |                                  | - Người dân ứng xử văn minh lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc                                                                                                                                                                                                                                     | Đạt                                               |
|   |                                  | 7.2. Giáo dục:                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đạt                                               |
|   |                                  | - Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 THCS                                                                                                                                                                                                                                | 100%                                              |
|   |                                  | - Không có học sinh bỏ học, không có học sinh xếp loại học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại); không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật                                                                                                                                                               | Đạt                                               |

|    |                                                                              |                                                                                                                                                                                 |                                                                    |
|----|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                              | 7.3. Y tế:                                                                                                                                                                      |                                                                    |
|    |                                                                              | - Có tối thiểu 1 nhân viên y tế được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao                             | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | - Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận                                                                                                             | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | - Tỷ lệ người tham gia BHYT                                                                                                                                                     | ≥ 75%                                                              |
| 8  | Vệ sinh môi trường                                                           | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh                                                                                                                               | ≥ 85%, trong đó 50% sử dụng nước sạch đạt chuẩn Quốc gia 02-QC/BYT |
|    |                                                                              | 8.2. Đường làng ngõ xóm các hộ gia đình đảm bảo yêu cầu: xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động suy giảm môi trường                                                              | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | 8.3. Có hệ thống xử lý tự thấm hoặc mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải các hộ gia đình trước khi ra công cộng ít nhất phải qua sơ xử lý | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | 8.4. Có tổ vệ sinh môi trường, có điểm tập kết rác thải chung, rác thải phải được phân loại ngay từ hộ gia đình (hữu cơ và vô cơ - có túi hoặc thùng ghi rõ loại rác).          | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | 8.5. Không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định; 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường                               | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | 8.6. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tuần có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn                                                                                                       | Có                                                                 |
| 9  | Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội                                | 9.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh                                                                                                                            | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | 9.2. Thôn và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn đạt danh hiệu tiên tiến, xuất sắc                                                                                 | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | 9.3. An ninh trật tự đảm bảo; không có vụ việc hình sự xảy ra, không có cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật                  | Đạt                                                                |
|    |                                                                              | 9.4. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tai, tệ nạn xã hội trong năm xét công nhận                                               | Đạt                                                                |
| 10 | Chấp hành pháp luật, quy ước, hương ước và các quy định khác của các tổ chức | 10.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên (bằng văn bản).                                                 | 100%                                                               |
|    |                                                                              | 10.2. Đóng nộp các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.                                             | Đạt                                                                |

Ghi chú: Ngoài 10 tiêu chí trên các nội dung khác theo 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới có áp dụng tại địa bàn thôn đều phải đạt chuẩn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

